

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

Thành phố Hồ Chí Minh - tháng 8 năm 2020

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 - 44

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0303224471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02/4/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 26/5/2015.

Trụ sở chính của Công ty tại: Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX). Mã cổ phiếu: ASP

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Minh Loan	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 01/8/2020)
Ông Takehiko Kawamoto	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 01/8/2020)
Ông Nguyễn Hồng Hiệp	Thành viên (miễn nhiệm từ ngày 05/6/2020)
Ông Takehiko Kawamoto	Thành viên (bổ nhiệm ngày 05/6/2020, miễn nhiệm ngày 01/8/2020)
Ông Tomohiko Kawamoto	Thành viên
Ông Hirohisa Ikeno	Thành viên
Ông Yasuyoshi Kasahara	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc

Ông Trần Minh Loan	Tổng Giám đốc
Ông Hirohisa Ikeno	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Công ty nhận chuyển nhượng và được chuyển quyền sở hữu cổ phần của Công ty CP Liên doanh Hướng Dương Machida Gas lần lượt vào ngày 30/7/2020 và ngày 26/8/2020, với tổng tỷ lệ sở hữu là 99,99% trên tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết. Việc nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty CP Liên doanh Hướng Dương Machida Gas được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt tại Biên bản họp HĐQT Công ty CP Tập đoàn Dầu khí An Pha số 06/BBHQQT-ASP/2020 ngày 3/5/2020.

Theo nhận định của Ban Giám đốc, ngoài sự kiện nêu trên, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Trần Minh Loan
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2020

Số: 709/2020/BCSX-BCTCHN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020
của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha, kèm theo được lập ngày 28/8/2020, từ trang 05 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/6/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2020, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Bùi Thị Thủy****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2020/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2020 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network**

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/6/2020

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2020	01/01/2020
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		618.330.518.719	559.148.655.740
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	86.126.983.468	34.152.786.141
1. Tiền	111		79.313.986.464	34.152.786.141
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.812.997.004	-
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	33.605.995.976	3.595.420.280
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		33.605.995.976	3.595.420.280
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		323.929.965.146	319.189.787.560
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	253.339.642.491	237.247.292.730
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		15.389.291.637	20.650.264.695
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	3.000.000.000	3.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	55.576.644.725	66.234.328.385
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		(6.032.700.150)	(10.599.184.693)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.6	2.657.086.443	2.657.086.443
IV- Hàng tồn kho	140	5.7	138.696.068.128	174.865.436.141
1. Hàng tồn kho	141		138.696.068.128	174.865.436.141
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		35.971.506.001	27.345.225.618
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	17.206.458.648	13.360.896.426
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		18.531.003.267	12.915.913.873
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.9	234.044.086	1.068.415.319
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		1.088.143.023.100	1.067.856.516.520
I Các khoản phải thu dài hạn	210		48.301.843.325	60.866.689.505
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.4	18.337.320.000	18.337.320.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	29.964.523.325	42.529.369.505
II Tài sản cố định	220		94.685.301.823	99.307.344.592
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	73.289.860.765	77.716.128.295
- Nguyên giá	222		256.059.124.870	253.180.013.916
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(182.769.264.105)	(175.463.885.621)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	21.395.441.058	21.591.216.297
- Nguyên giá	228		27.693.149.796	27.650.649.796
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.297.708.738)	(6.059.433.499)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		284.621.000	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		284.621.000	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		200.632.748.203	114.754.564.791
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.12	18.894.448.203	18.516.264.791
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.12	71.238.300.000	71.718.300.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5.12	-	(480.000.000)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.2	110.500.000.000	25.000.000.000
VI Tài sản dài hạn khác	260		744.238.508.749	792.927.917.632
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	477.353.682.450	511.320.181.663
2. Lợi thế thương mại	269	5.13	266.884.826.299	281.607.735.969
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.706.473.541.819	1.627.005.172.260

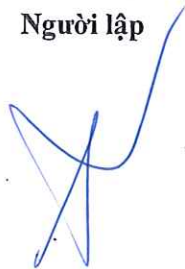
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30/6/2020

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2020	01/01/2020
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		1.209.197.652.243	1.131.730.872.412
I- Nợ ngắn hạn	310		968.774.959.166	871.653.864.784
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	235.374.745.217	266.231.546.974
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.511.541.323	9.607.370.034
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.9	14.346.930.661	22.239.324.099
4. Phải trả người lao động	314		11.581.362.231	9.836.109.601
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	3.857.093.199	4.730.731.569
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		2.061.454.546	4.535.200.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	52.890.844.697	133.515.903.523
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	644.588.853.490	420.395.545.182
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		562.133.802	562.133.802
II- Nợ dài hạn	330		240.422.693.077	260.077.007.628
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.16	42.954.239.628	45.976.617.988
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	195.683.435.437	211.693.571.000
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1.785.018.012	2.406.818.640
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		497.275.889.576	495.274.299.848
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.18	497.275.889.576	495.274.299.848
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		373.399.290.000	373.399.290.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		373.399.290.000	373.399.290.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.433.420.000	1.433.420.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(3.639.900)	(3.639.900)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.232.720.345	2.232.720.345
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		358.509.881	358.509.881
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		104.372.758.181	101.339.245.457
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		87.476.807.759	40.741.782.730
- LNST chưa phân phối kì này	421b		16.895.950.422	60.597.462.727
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	423		15.482.831.069	16.514.754.065
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.706.473.541.819	1.627.005.172.260

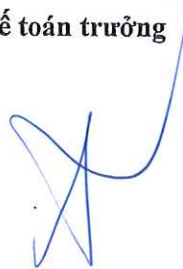
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2020

Người lập



Lại Văn Tú

Kế toán trưởng



Lại Văn Tú

Tổng Giám đốc



Trần Minh Loan

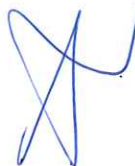
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.19	1.313.174.506.860	1.463.950.216.540
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.19	21.425.935.988	85.770.972.564
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.19	1.291.748.570.872	1.378.179.243.976
4. Giá vốn hàng bán	11	5.20	1.044.728.612.678	1.110.727.184.678
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		247.019.958.194	267.452.059.298
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	5.794.145.999	7.043.833.096
7. Chi phí tài chính	22	5.22	19.306.478.302	21.986.003.909
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		14.987.569.228	17.498.783.829
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		2.261.003.006	1.811.826.832
9. Chi phí bán hàng	25	5.23	164.568.863.245	182.458.307.338
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.24	61.487.798.343	39.801.445.967
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		9.711.967.309	32.061.962.012
12. Thu nhập khác	31	5.25	4.377.502.431	3.950.375.591
13. Chi phí khác	32	5.25	1.568.342.644	132.996.436
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.25	2.809.159.787	3.817.379.155
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		12.521.127.096	35.879.341.166
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.26	8.554.702.805	3.766.877.306
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		111.018.012	362.365.367
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		3.855.406.279	31.750.098.493
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		4.923.028.238	31.999.790.409
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(1.067.621.959)	(249.691.916)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.27	132	857

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2020

Người lập



Lại Văn Tú

Kế toán trưởng



Lại Văn Tú

Tổng Giám đốc



Trần Minh Loan

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

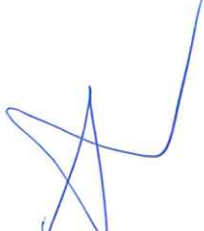
CHỈ TIÊU	MS	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	12.521.127.096	35.879.341.166
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	2	27.352.832.705	9.491.130.251
- Các khoản dự phòng	3	(4.566.484.543)	(3.075.967.300)
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4	1.164.504.096	2.014.786.357
- Lãi từ hoạt động đầu tư	5	(4.450.217.604)	(6.925.765.377)
- Chi phí lãi vay	6	14.962.417.839	17.498.783.829
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	8	46.984.179.589	54.882.308.927
- Biến động các khoản phải thu	9	2.968.046.652	83.519.836.987
- Biến động hàng tồn kho	10	36.169.368.013	(71.093.286.894)
- Biến động các khoản phải trả	11	(124.082.552.784)	15.090.283.896
- Biến động chi phí trả trước	12	30.120.936.991	(14.805.343.109)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(16.165.369.556)	(17.415.700.036)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(17.399.550.877)	(8.698.927.928)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(41.404.941.972)	41.479.171.843
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(4.105.383.682)	(512.500.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	161.018.945	203.710.091
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(135.914.000.000)	(92.191.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	20.403.424.304	138.591.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(84.279.123.773)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	6.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.650.906.987	3.254.116.348
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(114.804.033.446)	(28.933.797.334)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.070.612.216.064	822.738.397.698
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(862.429.043.319)	(833.976.607.715)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(38.807.150)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	208.183.172.745	(11.277.017.167)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	51.974.197.327	1.268.357.342
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	34.152.786.141	56.788.635.035
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	86.126.983.468	58.056.992.377

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2020

Người lập



Lại Văn Tú

Kế toán trưởng



Lại Văn Tú

Tổng Giám đốc



Trần Minh Loan

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu B 09a-DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0303224471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02/4/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 26/5/2015.

Sở hữu vốn đến ngày 30/6/2020:

	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị VND
Cổ đông lớn	20.186.526	54,06%	201.865.260.000
Công ty Saisan	17.998.426	48,20%	179.984.260.000
Ông Trần Minh Loan	2.188.100	5,86%	21.881.000.000
Cổ đông không phải cổ đông lớn	17.153.403	45,94%	171.534.030.000
Tổng	37.339.929	100,00%	373.399.290.000

Trụ sở chính của Công ty tại: Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm:

- Mua bán khí hóa lỏng, vật tư thiết bị dầu khí;
- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, nhớt;
- Kinh doanh vận tải;
- Kinh doanh vận tải sản phẩm dầu khí theo đường bộ, đường biển;
- Chiết nạp sản phẩm dầu khí (không chiết nạp tại trụ sở);
- Lắp đặt, bảo dưỡng các công trình ngành dầu khí;
- Cho thuê kho bãi, phương tiện vận tải chuyên dụng ngành dầu khí đường bộ, đường thủy;
- Mua bán gỗ, vật liệu xây dựng, máy móc - thiết bị ngành công - nông nghiệp và xây dựng (trừ kinh doanh máy in), hàng gia dụng;
- Gia công, mua bán vải, hàng dệt may (trừ tẩy nhuộm);
- Mua bán sắt thép, vật tư thiết bị hàng hải;
- Phá dỡ tàu cũ. Dịch vụ sửa chữa tàu thuyền (trừ tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện);
- Sản xuất vật liệu xây dựng - xà phòng và chất tẩy rửa - chế biến và sản xuất các sản phẩm từ gỗ (không sản xuất tại trụ sở);
- Mua bán phương tiện vận tải;
- Kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng và mua bán thang máy, thiết bị ngành xây dựng (Không gia công cơ khí và sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, hàng trang trí nội thất (không sản xuất tại trụ sở)/.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

1.3. Cấu trúc Công ty

Danh sách các Công ty con được hợp nhất như sau:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ của Công ty mẹ	
			Lợi ích (%)	Quyền biểu quyết (%)
Các công ty con trực tiếp				
1	Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia Định	Khu phố 4, Lã Xuân Oai, Phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%
2	Công ty Cổ Phần Dầu khí An Pha	Lô 14, Khu Công nghiệp Sài Đồng B, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, Tp. Hà Nội	98,57%	98,57%
3	Công ty Cổ Phần MT Gas	Lô 1, Ấp Thuận Đạo, Thị Trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	67,19%	67,19%
4	Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đức Hải	Tổ 92, lô 8 A1.1, Hòa Minh, phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng	80,00%	80,00%
5	Công ty Cổ phần Ngọn lửa thân	Số 4 phố Tôn Đức Thắng, phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội	80,00%	100,00%
6	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo	79 Nguyễn Hồng, Phường 11, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh	97,99%	97,99%
Các công ty con gián tiếp (thông qua các công ty con trực tiếp)				
7	Công ty Cổ phần Khí đốt Gia Định	Lô 14, Khu Công nghiệp Sài Đồng B, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, Tp. Hà Nội	99,94%	99,94%
8	Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	10-12 Đường số 2, Phường 4, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%
9	Công ty Cổ phần Nam Gas	40/18 Ấp Bắc, phường 13, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%
10	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đặng Toàn	Xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang	100,00%	100,00%
11	Công ty TNHH MTV Minh Gia	Ô 19, Lô B6, KDC Thuận Giao, ấp Bình Thuận 2, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương	100,00%	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

1.3. Cấu trúc Công ty (Tiếp theo)

Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ của Công ty	
			Phần sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)
Các công ty liên kết				
12	Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	295/71 An Dương Vương, Phường 13, Quận 6, Tp. Hồ Chí Minh	35,00%	35,00%
13	Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang	Số 34 A, đường Nguyễn Khoái, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội	49,00%	49,00%
14	Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Tân Đại Phát	Xóm 2, Xã Nghi Phú, Tp. Vinh, tỉnh Nghệ An	49,00%	49,00%
15	Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	Số 26, ngõ 29, phố Vĩnh Tuy, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội	49,00%	49,00%

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp nhất các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 6 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu trong phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày mua. Lợi thế thương mại được phân bổ trong thời gian 10 năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Lợi thế thương mại (Tiếp theo)

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên Bảng Cân đối kế toán.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,..): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân Hàng Mizuho Bank, Ltd - Chi Nhánh TP. Hồ Chí Minh tại ngày 30/06/2020.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại các khoản mục có gốc tiền tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Thời điểm	Ngân hàng	Tỷ giá bán ra
30/6/2020	Ngân Hàng Mizuho Bank, Ltd - Chi Nhánh TP. Hồ Chí Minh	23.275 VND/USD

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.
- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.

Khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư làm căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính hợp nhất, nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là công ty Mẹ. Nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là doanh nghiệp độc lập không có công ty con, căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính của doanh nghiệp được đầu tư đó.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty với công ty liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/4/2013, Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016, Thông tư 28/2017/TT-BTC ban hành ngày 12/4/2017.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp theo)

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020	
	(Số năm)	
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 – 30	
Máy móc, thiết bị	08	
Thiết bị văn phòng	03	
Phương tiện vận tải	07 – 08	

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị quyền sử dụng đất. Hao mòn của tài sản cố định vô hình phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Nguyên tắc kế toán thuê tài chính

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Nguyên tắc kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế thu nhập hiện hành.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước là giá trị vỏ bình gas đã đưa vào sử dụng, chi phí sơn sửa bảo dưỡng, kiểm định vỏ bình gas. Chi phí vỏ bình gas được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm theo hướng dẫn tại Công văn số 7776/BTC-TCT ngày 02/6/2009 và Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10/8/2010 hướng dẫn về Chế độ tài chính và thuế đối với cơ sở kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai. Chi phí thay van bình gas được phân bổ trong thời gian 5 năm. Chi phí kiểm định vỏ bình, chi phí sơn, sửa chữa, bảo dưỡng vỏ bình gas được quy định phân bổ trong thời gian 5 năm.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty và công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Công cụ tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh..

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Trong kỳ, công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực phân phối gas và khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	4.052.237.136	5.366.707.282
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	75.261.749.328	28.786.078.859
Tương đương tiền	6.812.997.004	-
Tổng	86.126.983.468	34.152.786.141

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Ngắn hạn	33.605.995.976	33.605.995.976	3.595.420.280	3.595.420.280
- Tiền gửi có kỳ hạn	33.605.995.976	33.605.995.976	3.595.420.280	3.595.420.280
Dài hạn	110.500.000.000	110.500.000.000	25.000.000.000	25.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	110.500.000.000	110.500.000.000	25.000.000.000	25.000.000.000
Tổng	144.105.995.976	144.105.995.976	28.595.420.280	28.595.420.280

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn trình bày khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 6 tháng dưới 12 tháng tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 6,5%/năm – 7,1%/năm.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn trình bày tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 7,1% - 7,6%/năm.

5.3 Phải thu của khách hàng

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	253.339.642.491	237.247.292.730
Công ty CP Năng Lượng An Phú	14.999.105.952	27.731.353.617
Công ty TNHH Sam Sung Electronics Việt Nam	-	-
Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Tân Đại Phát	9.445.375.203	9.716.799.704
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoàng Anh	14.297.361.314	9.540.013.611
Công ty TNHH Vinh Quang	14.705.682.732	9.823.725.342
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	9.283.461.543	13.987.694.488
Công ty TNHH MTV Phân Phối Khí Đốt Gas Thủ Đức	32.258.180.905	-
Công ty CP Năng Lượng Gas Miền Trung	11.014.723.261	7.561.774.050
Khách hàng khác	147.335.751.581	158.885.931.918
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Tổng	253.339.642.491	237.247.292.730
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 6.1)	41.063.306.446	35.536.582.814

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.4 Phải thu về cho vay

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
a) Phải thu cho vay ngắn hạn	3.000.000.000	3.000.000.000
Ông Nguyễn Thế Giáp (1)	2.600.000.000	2.600.000.000
Doanh nghiệp tư nhân Minh Nghệ	200.000.000	200.000.000
Hộ Kinh doanh Nguyễn Văn Dinh	200.000.000	200.000.000
b) Phải thu cho vay dài hạn	18.337.320.000	18.337.320.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt (2)	5.520.000.000	5.520.000.000
Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang (3)	4.600.000.000	4.600.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Tân Đại Phát (4)	8.217.320.000	8.217.320.000
Tổng	21.337.320.000	21.337.320.000
Phải thu về cho vay từ các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 6.1)	18.337.320.000	18.337.320.000

(1) Khoản cho ông Nguyễn Thế Giáp vay theo Hợp đồng số 26/2019/HĐVT/ASP-NTG ngày 16/5/2019 với số tiền là 2.600.000.000 đồng. Lãi suất cho vay: 5%. Thời hạn vay: 12 tháng.

(2) Khoản cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt vay theo Hợp đồng số 02-VAY ASP/TĐ 2017 ngày 01/7/2017 với số tiền là 5.520.000.000 đồng. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm. Theo Hợp đồng, khoản vay không có tài sản đảm bảo, thay vào đó là quyền Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha được tham gia điều hành Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt.

(3) Khoản cho Công ty TNHH Vinh Quang vay theo Hợp đồng số 01 VAY-ASP/VQ 2017 ngày 01/7/2017 với số tiền là 4.600.000.000 đồng. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm. Theo Hợp đồng, khoản vay không có tài sản đảm bảo, thay vào đó là quyền Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha được tham gia điều hành Công ty TNHH Vinh Quang.

(4) Khoản cho Công ty TNHH Tân Đại Phát vay theo Hợp đồng số 03 VAY-ASP/TĐP 2017 ngày 01/7/2017 với số tiền là 8.217.320.000 đồng. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm. Theo Hợp đồng, khoản vay không có tài sản đảm bảo, thay vào đó là quyền Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha được tham gia điều hành Công ty TNHH Tân Đại Phát.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.5 Các khoản phải thu khác

	30/6/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dư phòng	Giá trị ghi sổ	Dư phòng
Ngắn hạn	55.576.644.725	(829.498.051)	66.234.328.385	(2.076.220.266)
- Tạm ứng	6.002.145.519	-	10.000.934.734	(1.239.222.215)
- Phải thu lợi nhuận từ Công ty TNHH Bình Khí đốt Hongvina	3.920.000.000	-	5.600.000.000	-
- Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.294.797.407	-	94.183.986	-
- Ký cược, ký quỹ	19.262.912.110	-	19.883.938.104	-
- Ứng tiền cho Ông Trần Minh Loan mua Cổ phần Công ty Đông Phương	9.410.327.455	-	9.410.327.455	-
- Phải thu thuế Thu nhập cá nhân nộp hộ	9.060.774.061	-	3.038.304.479	-
- Phải thu chiết khấu	185.365.236	-	-	-
- Phải thu khác	3.440.322.937	(829.498.051)	18.206.639.627	(836.998.051)
Dài hạn	29.964.523.325	-	42.529.369.505	-
- Ký cược, ký quỹ	15.556.395.767	-	25.621.221.947	-
- Phải thu Ông Trần Minh Loan [1]	6.943.127.558	-	9.443.147.558	-
- Phải thu Ông Trần Quốc Bửu [2]	2.685.000.000	-	2.685.000.000	-
- Phải thu uỷ thác đầu tư Ông Vũ Thanh Hòa [3]	4.780.000.000	-	4.780.000.000	-
Tổng	85.541.168.050	(829.498.051)	108.763.697.890	(2.076.220.266)
Phải thu khác là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 6.1)	10.863.127.558	-	15.043.147.558	-

[1] Căn cứ Quyết định của Chủ tịch HĐQT số 2b/QĐ-ASP/2015 ngày 30/6/2015, chuyển toàn bộ khoản nợ phải thu của Công ty Cổ phần Xăng dầu An Pha thành khoản nợ phải thu dài hạn Ông Trần Minh Loan. Trong kỳ, Công ty thực hiện giảm nợ với số tiền là 2.500.020.000 đồng theo biên bản họp Hội đồng Quản trị ngày 19/10/2017.

[2] Căn cứ theo hợp đồng mua bán cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Pha giữa Công ty và Ông Trần Quốc Bửu ngày 25 tháng 12 năm 2017, Ông Trần Quốc Bửu sẽ trả nợ thay cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Pha đã vay trước đây với số tiền là 3.685.000.000 đồng, mỗi năm thanh toán 500.000.000 đồng kể từ năm 2018 đến năm 2025.

[3] Công ty ủy quyền cho Ông Vũ Thanh Hòa thực hiện mua 16% cổ phần của Công ty TNHH Bình Khí đốt Hongvina.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.6 Tài sản thiếu chờ xử lý

	30/6/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Khí hóa lỏng	184.446	2.299.938.330	184.446	2.299.938.330
- Gas bình 45 kg	8.338	116.828.117	8.338	116.828.117
- Hàng hóa khác	-	28.797.753	-	28.797.753
- Tài sản khác	-	211.522.243	-	211.522.243
Tổng		2.657.086.443		2.657.086.443

Giá trị tài sản thiếu chờ xử lý tại 30/06/2020, chủ yếu là giá trị hàng tồn kho thiếu khi kiểm kê thực tế so với sổ sách phát sinh từ năm 2014 trở về trước của Công ty Cổ phần MT Gas. Tại thời điểm hiện tại, Công ty Cổ phần MT Gas đang củng cố hồ sơ để xử lý giá trị hàng tồn kho thiếu nêu trên.

5.7 Hàng tồn kho

	30/6/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	416.513.825	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	6.681.347.256	-	2.038.289.333	-
Chi phí SX KDDD	2.295.986.259	-	2.635.518.727	-
Thành phẩm	1.285.214.157	-	1.019.736.160	-
Hàng hóa	185.018.814	-	588.396.082	-
Hàng gửi bán	127.831.987.817	-	168.583.495.839	-
Hàng hóa kho bảo thuế	-	-	-	-
Tổng	138.696.068.128	-	174.865.436.141	-

5.8 Chi phí trả trước

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn	17.206.458.648	13.360.896.426
- Phí bảo lãnh mua LPG	-	424.740.712
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.982.781.469	1.037.447.129
- Chi phí thuê văn phòng và khác	13.161.307.973	11.898.708.585
- Chi phí bảo lãnh phát hành	2.062.369.206	-
b) Dài hạn	477.353.682.450	511.320.181.663
- Chi phí mua vỏ chai LPG	370.705.435.166	391.205.200.794
- Chi phí sơn, sửa, kiểm định, thay vỏ chai LPG	94.490.909.247	102.698.661.816
- Chi phí thuê đất dài hạn	1.649.163.637	4.122.909.091
- Chi phí trả trước dài hạn khác	10.508.174.400	13.293.409.962
Tổng	494.560.141.098	524.681.078.089

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.9 Thuế và các khoản phải thu/phải trả Nhà nước

	01/01/2020 VND	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2020 VND
Phải nộp	22.239.324.099	73.066.871.423	80.959.264.861	14.346.930.661
Thuế GTGT	2.427.294.957	53.339.006.794	53.610.875.182	2.155.426.569
Thuế xuất, nhập khẩu	306.776.459	8.249.299.047	8.075.937.848	480.137.658
Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.615.708.890	8.554.702.805	17.209.590.943	9.960.820.752
Thuế thu nhập cá nhân	881.387.791	2.487.562.754	1.626.560.865	1.742.389.680
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	8.156.002	436.300.023	436.300.023	8.156.002
Phải thu	1.068.415.319	1.326.969.888	492.598.655	234.044.086
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.047.462.571	1.047.462.571	189.959.934	189.959.934
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	18.386.221	43.449.310	66.580.714	41.517.625
Các khoản khác phải thu nhà nước	2.566.527	236.058.007	236.058.007	2.566.527

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.10 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng	Đơn vị tính: VND
NGUYỄN GIÁ							
Số dư tại 01/01/2020	73.707.849.738	96.049.527.291	78.834.984.907	2.512.685.744	2.074.966.236	253.180.013.916	
Tăng trong kỳ	-	1.006.603.682	3.056.280.000	-	-	4.062.883.682	
Mua trong kỳ	-	1.006.603.682	3.056.280.000	-	-	4.062.883.682	
Tặng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-	
Giảm trong kỳ	-	-	1.183.772.728	-	-	1.183.772.728	
Thanh lý nhượng bán	-	-	1.183.772.728	-	-	1.183.772.728	
Số dư tại 30/6/2020	73.707.849.738	97.056.130.973	80.707.492.179	2.512.685.744	2.074.966.236	256.059.124.870	
GIÁ TRỊ HẠO MÒN LŨY KẾ							
Số dư tại 01/01/2020	56.373.813.993	62.054.948.667	52.782.137.232	2.238.208.676	2.014.777.053	175.463.885.621	
Tăng trong kỳ	1.710.345.695	2.212.826.834	4.070.576.683	125.527.006	8.166.666	8.127.442.884	
Khấu hao trong kỳ	1.710.345.695	2.212.826.834	4.070.576.683	125.527.006	8.166.666	8.127.442.884	
Giảm trong kỳ	-	-	822.064.400	-	-	822.064.400	
Thanh lý nhượng bán	-	-	822.064.400	-	-	822.064.400	
Số dư tại 30/6/2020	58.084.159.688	64.267.775.501	56.030.649.515	2.363.735.682	2.022.943.719	182.769.264.105	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại ngày 01/01/2020	17.334.035.745	33.994.578.624	26.052.847.675	274.477.068	60.189.183	77.716.128.295	
Tại ngày 30/6/2020	15.623.690.050	32.788.355.472	24.676.842.664	148.950.062	52.022.517	73.289.860.765	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.11 Tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm</u>	<u>Tổng</u>
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2020	26.764.892.819	885.756.977	27.650.649.796
Tăng trong kỳ	-	42.500.000	42.500.000
Mua trong kỳ	-	42.500.000	42.500.000
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 30/06/2020	26.764.892.819	928.256.977	27.693.149.796
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2020	5.508.063.188	551.370.311	6.059.433.499
Tăng trong kỳ	190.645.056	47.630.183	238.275.239
Khấu hao trong kỳ	190.645.056	47.630.183	238.275.239
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 30/06/2020	5.698.708.244	599.000.494	6.297.708.738
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2020	21.256.829.631	334.386.666	21.591.216.297
Tại ngày 30/06/2020	21.066.184.575	329.256.483	21.395.441.058

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.12 Đầu tư tài chính dài hạn

Đối tượng đầu tư	Tỷ lệ tại ngày 30/6/2020			30/6/2020 (VND)			01/01/2020 (VND)		
	Phần sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Lãi/lỗ lũy kế đầu tư LD-LJK	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Lãi/lỗ lũy kế đầu tư LD-LJK	Giá trị hợp lý (*)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				15.952.715.625	2.941.732.578	15.952.715.625	15.952.715.625	2.563.549.166	2.563.549.166
Công ty TNHH Bình Khí Đối Hongvina	35,00%	35,00%		10.725.395.625	6.810.087.759	10.725.395.625	10.725.395.625	5.213.290.489	5.213.290.489
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	49,00%	49,00%		1.470.000.000	(1.470.000.000)	1.470.000.000	1.470.000.000	(274.572.803)	(274.572.803)
Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Tân Đại Phát	49,00%	49,00%		2.385.320.000	(2.385.320.000)	2.385.320.000	2.385.320.000	(2.385.320.000)	(2.385.320.000)
Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang	49,00%	49,00%		1.372.000.000	(13.035.181)	1.372.000.000	1.372.000.000	10.151.480	10.151.480
Tổng				15.952.715.625	2.941.732.578	15.952.715.625	15.952.715.625	2.563.549.166	2.563.549.166

Đối tượng đầu tư	30/6/2020 (VND)			01/01/2020 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	71.238.300.000	-	-	71.718.300.000	-	(480.000.000)
Đầu tư cửa hàng bán LPG của Công ty Rạng Đông	9.600.000.000	-	-	9.600.000.000	-	-
Đầu tư cửa hàng bán LPG của Công ty Thần Sáng	6.740.000.000	-	-	6.740.000.000	-	-
Đầu tư các cửa hàng bán LPG của Công ty Nam gas	13.531.300.000	-	-	13.531.300.000	-	-
Công ty CP Năng Lượng VinaBenny	-	-	-	480.000.000	-	(480.000.000)
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Thần Lửa	25.000.000.000	-	-	25.000.000.000	-	-
Đầu tư các cửa hàng bán LPG của Công ty Minh Thảo	16.367.000.000	-	-	16.367.000.000	-	-
Tổng	71.238.300.000	-	-	71.718.300.000	-	(480.000.000)

(*) Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các Công ty chưa niêm yết, hoặc không có chứng khoán được giao dịch công khai trên thị trường để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.13 Lợi thế thương mại

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Tại ngày 01 tháng 01	281.607.735.969	248.112.762.307
Tăng trong kỳ	4.264.204.912	62.189.834.739
Phân bổ trong kỳ	18.987.114.582	14.590.911.372
Tại ngày 30 tháng 6	266.884.826.299	295.711.685.674

5.14 Phải trả người bán

	30/6/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	235.374.745.217	235.374.745.217	266.231.546.974	266.231.546.974
Công ty TNHH Lọc Hóa Dầu Bình Sơn	-	-	32.158.614.804	32.158.614.804
Công ty CP Kinh Doanh Sản Phẩm Khí	142.983.286.904	142.983.286.904	95.210.940.240	95.210.940.240
Công ty cổ phần kinh doanh Khí Miền Bắc	-	-	-	-
Pit International Trading Pte. Ltd.	-	-	23.098.501.350	23.098.501.350
Công ty TNHH Bình Khí Đốt HongVina	9.941.198.459	9.941.198.459	4.407.713.477	4.407.713.477
Itocho Petroleum Co., Pte., Ltd	-	-	-	-
PNX Petroleum Singapore Pte., Ltd	-	-	28.646.514.000	28.646.514.000
E1 Corporation	52.751.303.245	52.751.303.245	32.068.045.113	32.068.045.113
Các đối tượng khác	29.698.956.609	29.698.956.609	50.641.217.990	50.641.217.990
b) Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	235.374.745.217	235.374.745.217	266.231.546.974	266.231.546.974

Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 6.1)	10.861.530.969	-	4.506.933.477	-
---	----------------	---	---------------	---

5.15 Chi phí phải trả

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
a) Ngắn hạn	3.857.093.199	4.730.731.569
Chi phí lãi vay	2.493.697.531	3.696.649.248
Chi phí phải trả khác	1.363.395.668	1.034.082.321
b) Dài hạn	-	-
Tổng	3.857.093.199	4.730.731.569

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.16 Các khoản phải trả phải nộp khác

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn	52.890.844.697	133.515.903.523
Tài sản thừa chờ giải quyết	14.641.488	-
Kinh phí công đoàn	860.313.475	1.107.018.981
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	402.764.946	175.724.386
Tiền vơ thế chân phải trả	-	45.606.712.388
Phải trả Ngân hàng Mizuho Bank Ltd.	-	52.924.823.782
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	22.624.686.455	10.351.181.748
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	802.464.399	802.464.399
Chiết khấu phải trả	69.116.456	9.740.471.038
Các khoản phải trả, phải nộp khác	28.116.857.478	12.807.506.801
b) Dài hạn	42.954.239.628	45.976.617.988
Nhận ký quỹ, ký cược vơ bình gas	42.954.239.628	45.976.617.988
Tổng	95.845.084.325	179.492.521.511

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.17 Vay và nợ thuê tài chính

	30/6/2020 (VND)		Trong kỳ		01/01/2020 (VND)		Số có khả năng trả nợ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a) Vay ngắn hạn	644.588.853.490	644.588.853.490	869.428.216.064	645.234.907.756	420.395.545.182	420.395.545.182	
Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd. - Chi nhánh Hồ Chí Minh [1]	193.112.616.884	193.112.616.884	227.282.351.576	74.477.027.633	40.307.292.941	40.307.292.941	
Ngân hàng MUFG Bank, Ltd. - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh [2]	264.445.839.354	264.445.839.354	295.400.700.493	215.497.978.978	184.543.117.839	184.543.117.839	
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh [3]	70.444.104.128	70.444.104.128	128.271.867.846	109.186.625.172	51.358.861.454	51.358.861.454	
Công ty SaiSan	-	-	24.900.000.000	94.560.000.000	69.660.000.000	69.660.000.000	
Ngân hàng Resona Merchant Bank Asia Limited [4]	39.102.000.000	39.102.000.000	39.102.000.000	-	-	-	
Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) [5]	9.310.000.000	9.310.000.000	9.310.000.000	-	-	-	
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Hà Nội	61.374.293.124	61.374.293.124	138.361.296.149	151.513.275.973	74.526.272.948	74.526.272.948	
Ngân hàng TMCP Á Châu	6.800.000.000	6.800.000.000	6.800.000.000	-	-	-	
b) Vay dài hạn	195.683.435.437	195.683.435.437	249.596.000.000	265.606.135.563	211.693.571.000	211.693.571.000	
Công ty SaiSan	-	-	3.780.000.000	212.760.000.000	208.980.000.000	208.980.000.000	
Ngân hàng Resona Merchant Bank Asia Limited [4]	156.408.000.000	156.408.000.000	198.576.000.000	42.168.000.000	-	-	
Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) [5]	37.240.000.000	37.240.000.000	47.240.000.000	10.000.000.000	-	-	
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Hà Nội	1.165.000.000	1.165.000.000	-	233.000.000	1.398.000.000	1.398.000.000	
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Long Biên	190.950.000	190.950.000	-	81.822.000	272.772.000	272.772.000	
Ngân hàng Đầu tư & PT Việt Nam - Chi nhánh Gia Lâm	-	-	-	150.000.000	150.000.000	150.000.000	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	143.560.000	143.560.000	-	-	143.560.000	143.560.000	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	535.925.437	535.925.437	-	213.313.563	749.239.000	749.239.000	
Tổng	840.272.288.927	840.272.288.927	1.119.024.216.064	910.841.043.319	632.089.116.182	632.089.116.182	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.17 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Thông về về các khoản vay ngắn hạn, vay dài hạn chủ yếu của Công ty như sau:

[1] Hợp Đồng tín dụng tuần hoàn kỳ giữa Công ty và Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh ngày 10/5/2019:

- Ngân hàng đồng ý cấp cho Công ty một khoản tín dụng toàn hoàn không cam kết với tổng số tiền tối đa là 10.500.000 USD thực hiện dưới các hình thức: Các khoản vay, Phát hành và chấp nhận các Thư tín dụng, phát hành bảo lãnh;
- Mục đích sử dụng vốn : Bổ sung vốn lưu động;
- Lãi suất: Mỗi khoản vay chịu lãi với tỷ lệ % trên năm được tính bằng mức lãi biên cộng với lãi suất tham chiếu, cộng với các khoản thuế phải trả. Mức lãi biên là 0,5% hoặc mỗi khoản vay sẽ có lãi suất thỏa thuận.
- Ngày hết hạn giải ngân : 25/3/2020. Trừ khi ngân hàng ra thông báo chấm dứt vào hoặc trước khi kết thúc Thời hạn giải ngân, Thời hạn giải Ngân sẽ được tự động gia hạn thêm mỗi 12 tháng tiếp theo.
- Biện pháp bảo lãnh: Được bảo lãnh bởi Thư bảo lãnh cấp bởi Bên Bảo lãnh là Công ty Saisan.

[2] Hợp đồng chung về các giao dịch tín dụng và Phụ lục hợp đồng tín dụng số FL/021/19 được ký giữa Công ty và Ngân hàng MUFG Bank, Ltd. - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh

- Hạn mức tín dụng: Tổng số tiền của Hạn Mức tín dụng sẽ không vượt quá 12.000.000 USD hoặc các loại tiền tệ tương đương.
- Mục đích của hợp đồng tín dụng : Tài trợ vốn lưu động chung và Bảo lãnh thanh toán và không được sử dụng cho mục đích nào khác.
- Thời hạn rút vốn : Hạn mức tín dụng sẽ có hiệu lực từ ngày 15/3/2019 đến ngày 15/3/2020. Trừ khi ngân hàng ra thông báo chấm dứt vào hoặc trước khi kết thúc Thời hạn giải ngân, Thời hạn giải Ngân sẽ được tự động gia hạn thêm mỗi 12 tháng tiếp theo.
- Lãi suất : 0,5%/năm trên chi phí vốn của ngân hàng.
- Phí phát hành thư bảo lãnh : 1%/năm (tính theo số tháng của kỳ bảo lãnh) tối thiểu 520.000 VND.
- Biện pháp bảo đảm: Thư bảo lãnh được cấp bởi Công ty Saisan.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.17 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

[3] Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh ngày 17/7/2017.

- Hạn mức tín dụng là 3.000.000 USD. Lãi suất: Chi phí vốn + 0,5%/năm, được tính và trả vào mỗi tháng;

- Mục đích : Tài trợ nhu cầu kinh doanh của bên vay. Điều kiện đảm bảo: Thư tín dụng dự phòng do Saitama Resona Bank Limited phát hành. Kèm theo bản các điều khoản và điều kiện tiêu chuẩn áp dụng cho các phương thức tín dụng ngân hàng. Đây là một hợp đồng liên tục. Trừ khi ngân hàng ra thông báo chấm dứt vào hoặc trước khi kết thúc Thời hạn giải ngân, Thời hạn giải Ngân sẽ được tự động gia hạn thêm mỗi 12 tháng tiếp theo;

- Lãi suất phạt đối với nợ gốc quá hạn: Lãi trên nợ gốc quá hạn không vượt quá 150% lãi suất quy định. Lãi chậm thanh toán lãi sẽ được áp dụng không vượt quá 10%/năm.

- Ngày hết hạn giải ngân : 25/03/2020. Trừ khi ngân hàng ra thông báo chấm dứt vào hoặc trước Thời hạn giải ngân, Thời hạn giải Ngân sẽ được tự động gia hạn thêm mỗi 12 tháng tiếp theo.

- Biện pháp bảo lãnh: Được bảo lãnh bởi Thư bảo lãnh cấp bởi Bên Bảo lãnh là Công ty Saisan.

Phụ kiện hợp đồng vay vốn số 01 (Hợp đồng vay vốn số CP/HCM/007-17) ngày 24/12/2019 của Ngân hàng Bangkok Đại Chúng TNHH - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh. Hạn mức tín dụng tổng hợp là 13.000.000 USD. Lãi suất: Chi phí vốn + 0,5% một năm. Điều kiện đảm bảo điều chỉnh: Thay thế thư tín dụng dự phòng hiện tại bằng thư tín dụng dự phòng mới do Saitama Resona Bank Limited phát hành cho ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH, CN HCM trị giá 13.000.000 USD. Thư tín dụng dự phòng phải được gia hạn hàng năm. "

[4] Hợp đồng cho vay bởi Ngân hàng Resona Merchant Bank Asia Limited (Singapore) ngày 06/3/2020.

- Số tiền cho vay: 2.000.000 USD, các khoản vay được thực hiện bằng USD (Đô la Mỹ);

- Mục đích của khoản vay: cho vay tái cấp vốn trả nợ khoản vay của Công ty SaiSan;

- Ngày giải ngân: 31/3/2020. Ngày hoàn trả cuối cùng: 31/3/2025;

- Phương thức trả nợ: Khoản vay được trả góp định kỳ 10 lần nửa năm, mỗi lần 200.000 USD với khoản trả góp đầu tiên thanh toán vào ngày 30/9/2020. Những kỳ trả nợ sau sẽ rơi vào mỗi ngày tương ứng với ngày trả nợ đầu tiên mỗi Sáu (06) tháng tiếp theo, và số tiền dự phải được hoàn trả đầy đủ vào ngày hoàn trả cuối cùng.

- Lãi suất: 2,7%/năm, cố định trong suốt thời hạn của khoản vay. Kỳ tính lãi là 6 tháng 1 lần.

- Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

[5] Hợp đồng cho vay bởi Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (Nhật Bản) ngày 06/3/2020

- Số tiền cho vay: 8.400.000 USD;

- Mục đích của khoản vay: tái cấp vốn trả nợ khoản vay của Công ty SaiSan;

- Ngày giải ngân: 31/3/2020. Ngày hoàn trả cuối cùng: 31/3/2025;

- Ngày hoàn trả đầu tiên: 30/9/2020. Sau đó, khoản vay sẽ được hoàn trả mỗi 6 tháng tính từ ngày hoàn trả đầu tiên.

- Lãi suất: 2,7%/năm, cố định trong suốt thời hạn của khoản vay. Kỳ tính lãi là 6 tháng 1 lần.

- Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.18 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Đơn vị tính: VND
	Số dư đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần							
Số dư tại 01/01/2019	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	2.230.235.181	356.546.460	80.397.044.230	23.602.407.162	481.415.303.133	
Tăng trong năm	-	-	-	2.485.164	1.963.421	39.746.423.536	299.375.964	40.050.248.085	
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	39.746.423.536	299.375.964	40.045.799.500	
Tăng do hợp nhất	-	-	-	2.485.164	1.963.421	-	-	4.448.585	
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	18.804.222.309	7.387.029.061	26.191.251.370	
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	18.669.771.000	-	18.669.771.000	
Giảm do hợp nhất	-	-	-	-	-	134.451.309	7.387.029.061	7.521.480.370	
Số dư tại 31/12/2019	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	2.232.720.345	358.509.881	101.339.245.457	16.514.754.065	495.274.299.848	
Số dư tại 01/01/2020	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	2.232.720.345	358.509.881	101.339.245.457	16.514.754.065	495.274.299.848	
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	4.923.028.238	(1.031.922.996)	3.891.105.242	
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	4.923.028.238	(1.067.621.959)	3.855.406.279	
Tăng do hợp nhất	-	-	-	-	-	-	35.698.963	35.698.963	
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	1.889.515.514	-	1.889.515.514	
Giảm do hợp nhất	-	-	-	-	-	1.889.515.514	-	1.889.515.514	
Số dư tại 30/6/2020	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	2.232.720.345	358.509.881	104.372.758.181	15.482.831.069	497.275.889.576	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty Saisan	179.984.260.000	179.984.260.000
Ông Trần Minh Loan	21.881.000.000	21.881.000.000
Ông Nguyễn Hồng Hiệp	4.674.000.000	4.674.000.000
Các cổ đông khác	166.860.030.000	166.860.030.000
Tổng	373.399.290.000	373.399.290.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019
	VND	VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	373.399.290.000	373.399.290.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày 30 tháng 06	373.399.290.000	373.399.290.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-

d. Cổ phiếu

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.339.929	37.339.929
Cổ phiếu phổ thông	37.339.929	37.339.929
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	387	387
Cổ phiếu phổ thông	387	387
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.339.542	37.339.542
Cổ phiếu phổ thông	37.339.542	37.339.542
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

e. Các quỹ của Công ty

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.232.720.345	2.232.720.345
Quỹ khác vốn chủ sở hữu	358.509.881	358.509.881
Tổng	2.591.230.226	2.591.230.226

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.19 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Doanh thu bán gas (LPG)	1.284.242.734.761	1.425.403.184.904
Doanh thu bán hàng khác	10.806.593.273	15.861.222.858
Doanh thu tiền đặt cọc vỏ bình gas	8.081.421.222	9.555.883.218
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.043.757.604	13.129.925.560
Tổng	1.313.174.506.860	1.463.950.216.540
Các khoản giảm trừ doanh thu	21.425.935.987	85.770.972.564
- Chiết khấu thương mại	12.414.631.952	82.881.793.622
- Giảm giá hàng bán	3.858.135.559	2.889.178.942
- Hàng bán bị trả lại	5.153.168.476	-
Doanh thu thuần	1.291.748.570.873	1.378.179.243.976

5.20 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Giá vốn bán gas (LPG)	1.026.568.907.566	1.087.896.256.189
Giá vốn bán hàng khác	8.545.223.092	12.304.546.211
Giá vốn cung cấp dịch vụ	9.614.482.020	10.526.382.278
Tổng	1.044.728.612.678	1.110.727.184.678

5.21 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.650.906.987	1.307.241.348
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	5.600.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.143.235.712	136.591.748
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.300	-
Tổng	5.794.145.999	7.043.833.096

5.22 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Lãi tiền vay	14.962.417.839	17.498.783.829
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.921.905.516	3.401.218.803
Dự phòng các khoản đầu tư	-	-480.000.000
Chi phí tài chính khác	422.154.947	1.566.001.277
Tổng	19.306.478.302	21.986.003.909

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.23 Chi phí bán hàng

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Chi phí lương nhân viên bán hàng	61.383.164.528	69.671.568.353
Chi phí phân bổ mua vỏ bình gas	19.460.336.321	32.813.461.853
Phí thay van, sửa, kiểm định vỏ bình gas	10.966.231.940	13.778.602.406
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.697.618.905	3.048.478.716
Chi phí bán hàng khác	69.061.511.551	63.146.196.010
Tổng	164.568.863.245	182.458.307.338

5.24 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Chi phí lương nhân viên	25.098.328.297	10.309.382.280
Chi phí khấu hao TSCĐ	475.431.382	420.349.821
Phân bổ lợi thế thương mại	18.987.114.582	14.590.911.372
Chi phí quản lý khác	15.554.177.282	14.480.802.494
Tổng	61.487.798.343	39.801.445.967

5.25 Thu nhập/chi phí khác

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định, phế liệu	161.018.945	203.710.091
Thu nhập từ chênh lệch kiểm kê hàng tồn kho	1.973.920.920	-
Các khoản khác	2.242.562.566	3.746.665.500
Tổng	4.377.502.431	3.950.375.591
Chi phí khác		
Các khoản khác	1.568.342.644	132.996.436
Tổng	1.568.342.644	132.996.436
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	2.809.159.787	3.817.379.155

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.26 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha	3.146.814.345	2.548.876.826
- Công ty Cổ phần Gas Bình Minh	90.369.319	396.502.467
- Công ty Cổ phần Ngọn Lửa Thần	-	393.132.451
- Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha	1.243.524.100	428.365.562
- Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia Đình	4.073.995.041	-
Tổng	8.554.702.805	3.766.877.306

5.27 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.923.028.238	31.999.790.409
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.923.028.238	31.999.790.409
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	37.339.542	37.339.542
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	132	857

5.28 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ**Nợ khó đòi đã xử lý**

Danh sách các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi đã có Quyết định xử lý đến ngày 30/6/2020 tại Công ty Cổ phần MT Gas như sau:

STT	Tên đối tượng	Giá trị VND	Thời điểm xử lý
1	Công ty TNHH An Hiệp	214.325.059	12/6/2020
2	Đại lý Gas Tuấn Anh	73.248.230	12/6/2020
3	Công ty TNHH MTV SX Hồng Vân	30.638.032	12/6/2020
4	Công ty Cổ phần IBS	15.820.000	12/6/2020
5	Cty TNHH TM DV Khí Đốt Nam Việt	2.583.837.341	12/6/2020
6	Công ty TNHH SX-XK Gốm Mỹ Nghệ Long Trường	232.379.461	12/6/2020
7	Chi nhánh DNTN suất ăn Hải Nam tại Tiền Giang	56.397.000	12/6/2020
8	Công ty TNHH Thành Long	262.789.405	12/6/2020
9	Trần Văn Dũng	500.000	12/6/2020
10	Nguyễn Thị Thu Huyền	6.000.000	12/6/2020
11	Nguyễn Xuân Tuấn	1.000.000	12/6/2020
12	Dự án cảng Tân Tập	1.239.222.215	12/6/2020
	Tổng	4.716.156.743	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Mẫu B 09a-DN/HN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát	Thu nhập từ lương, thưởng và các khoản khác	1.493.433.840	1.464.150.824

Giao dịch các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Giao dịch bán				
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết	Bán LPG	41.992.293.369	-
Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang	Công ty liên kết	Bán LPG và hàng hóa khác	10.740.985.920	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	Công ty liên kết	Bán LPG và hàng hóa khác	10.982.987.474	-
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết	Hàng hóa, dịch vụ khác	479.174.464	-
Phải thu ông Trần Minh Loan	Tổng Giám đốc	Thù hồi, bù trừ nợ	2.500.020.000	2.500.020.000

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Giao dịch mua				
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết	Phí thuê kho gửi LPG	113.000.000	-
Công ty Saisan	Cổ đông lớn	Phí bảo hiểm Phí bảo lãnh tính dụng NH Bangkok	230.000.000 600.000.000	222.244.427 -
Giao dịch khác				
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết	Cổ tức	614.400.000	5.600.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**Số dư với bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn		41.063.306.446	35.536.582.814
CN Công ty TNHH Năng Lượng Sài Gòn - Nhà Máy Sản xuất Bình áp Lục Mỹ Phước	Công ty liên kết	108.411.765	83.363.280
Công ty TNHH Đầu tư Và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết	7.520.375.203	-
Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang	Công ty liên kết	14.705.682.732	10.823.725.342
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt	Công ty liên kết	9.283.461.543	12.987.694.488
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết	9.445.375.203	11.641.799.704
Phải thu về cho vay Dài hạn		18.337.320.000	18.337.320.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt	Công ty liên kết	5.520.000.000	5.520.000.000
Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang	Công ty liên kết	4.600.000.000	4.600.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết	8.217.320.000	8.217.320.000
Phải thu khác		10.863.127.558	15.043.147.558
Ngắn hạn			
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết	3.920.000.000	5.600.000.000
Dài hạn			
Ông Trần Minh Loan	Tổng Giám đốc	6.943.127.558	9.443.147.558
Phải trả người bán ngắn hạn		10.861.530.969	4.506.933.477
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết	9.941.198.459	4.407.713.477
Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang	Công ty liên kết	168.214.010	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt	Công ty liên kết	752.118.500	99.220.000
Vay và nợ thuê tài chính		-	278.640.000.000
Công ty SaiSan	Cổ đông lớn	-	278.640.000.000

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.18 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	86.126.983.468	34.152.786.141
Phải thu khách hàng và phải thu khác	344.775.102.936	347.338.798.472
Đầu tư tài chính ngắn hạn	33.605.995.976	3.595.420.280
Tổng	464.508.082.380	385.087.004.893
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	840.272.288.927	632.089.116.182
Phải trả người bán và phải trả khác	331.219.829.542	445.724.068.485
Chi phí phải trả	3.857.093.199	4.730.731.569
Tổng	1.175.349.211.668	1.082.543.916.236

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro về giá

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v.

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tại 30/6/2020			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	288.265.589.914	42.954.239.628	331.219.829.542
Chi phí phải trả	3.857.093.199	-	3.857.093.199
Các khoản vay	644.588.853.490	195.683.435.437	840.272.288.927
Tổng	936.711.536.603	238.637.675.065	1.175.349.211.668
Tại 01/01/2019			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	399.747.450.497	45.976.617.988	445.724.068.485
Chi phí phải trả	4.730.731.569	-	4.730.731.569
Các khoản vay	420.395.545.182	211.693.571.000	632.089.116.182
Tổng	824.873.727.248	257.670.188.988	1.082.543.916.236

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tại 30/6/2020			
Tiền và các khoản tương đương tiền	86.126.983.468	-	86.126.983.468
Phải thu khách hàng và phải thu khác	296.473.259.611	48.301.843.325	344.775.102.936
Đầu tư tài chính ngắn hạn	33.605.995.976	-	33.605.995.976
Tổng	416.206.239.055	48.301.843.325	464.508.082.380
Tại 01/01/2020			
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.152.786.141	-	34.152.786.141
Phải thu khách hàng và phải thu khác	286.472.108.967	60.866.689.505	347.338.798.472
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.595.420.280	-	3.595.420.280
Tổng	324.220.315.388	60.866.689.505	385.087.004.893

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

6.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

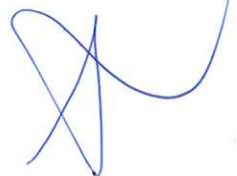
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2020

Người lập



Lại Văn Tú

Kế toán trưởng



Lại Văn Tú

Tổng Giám đốc



Trần Minh Loan

